TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2018
"V/v tranh chấp HN&GĐ ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Võ Thị Ngọc Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

2. Bà **Võ Thị Điệp**

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 556/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Kim T,** năm sinh 1980;

HKTT: Số 713, ấp Vĩnh Bình A, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp 1, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: **Lê Nguyễn H,** sinh năm 1978.

HKTT: Ấp Vĩnh Bình A, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp 1, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị T và anh H tổ chức đám cưới năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 29/7/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2014

thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh H sống không có trách nhiệm với vợ con và giữa hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, chị T đã cho nhiều cơ hội hàn gắn tình cảm để các con chung có một gia đình đầy đủ cha mẹ và cuộc sống ấm êm, nhưng kết quả không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai vợ chồng không quan tâm nhau và cũng không ai muốn hàn gắn tình cảm vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Ngọc Nhi, sinh ngày 14/02/2002 và Lê H Thiện, sinh ngày 16/10/2013; hiện 02 con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo đơn yêu cầu vắng mặt tại buổi hòa giải và vắng mặt tại phiên xét xử ngày 14/9/2018, bị đơn anh Lê Nguyễn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Kim T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Nhi, sinh ngày 14/02/2002 và Lê H Thiện, sinh ngày 16/10/2013; hiện 02 con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không có văn bản ghi ý kiến trình bày yêu cầu về tài sản và nợ gửi (nộp) cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

1. Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);

2. Giấy khai sinh Lê Ngọc Nhi (Bản sao);

3. Giấy khai sinh Lê H Thiện (Bản sao);

4. Giấy CMND và sổ hộ khẩu tên Lê Thị Kim T (Bản photo chứng thực).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị Kim T có đơn yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với anh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn và nuôi con"*.

Anh H là người bị kiện hiện có địa chỉ tạm trú tại ấp 1, xã Phong Mỹ, huyện

Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Chị Lê Thị Kim T và anh Lê Nguyễn H đã được triệu tập hợp lệ, nhưng chị T và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Kim T và anh Lê Nguyễn H.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh Lê Nguyễn H, anh H có văn bản ghi ý kiến đồng ý ly hôn với chị T.

Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp ngày 29/7/2002, do đó hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân thời gian dài nhưng không ai hàn gắn tình cảm.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Lê Ngọc Nhi, sinh ngày 14/02/2002 và Lê H Thiện, sinh ngày 16/10/2013, hiện đang sống với chị T.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Anh H có văn bản ghi ý kiến đồng ý để chị T trực tiếp nuôi 02 con, không tự nguyện cấp dưỡng.

Xét văn bản ghi ý kiến ngày 16/10/2018, Lê Ngọc Nhi có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Lê Thị Kim T. Bên cạnh đó, từ khi chị T, anh H sống xa nhau đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi hai con chung; Do đó, giao hai con chung tên Lê Ngọc Nhi, sinh ngày 14/02/2002 và Lê H Thiện, sinh ngày 16/10/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, anh H không có văn bản yêu cầu không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Kim T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Thị Kim T.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Lê Nguyễn H.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kim T.

Chị Lê Thị Kim T được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Ngọc Nhi, sinh ngày 14/02/2002 và Lê H Thiện, sinh ngày 16/10/2013

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Nguyễn H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Kim T không có yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000851 ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Minh